

越语阅读教程

第二册

孙衍峰
于在照 编

中国人民解放军外国语学院四系

一九九九年六月重印

Mục Lục

Bài thứ nhất.....	1
Khuôn câu.....	1
Bài học: Tình thương trẻ em của Mao Chủ tịch.....	2
Bài tập.....	14
 Bài thứ hai.....	27
Khuôn câu.....	27
Bài học: Khe Sanh.....	28
Bài tập.....	40
 Bài thứ ba.....	56
Khuôn câu.....	56
Bài học: Tài hèn, sức mọn.....	58
Bài tập.....	70
 Bài thứ tư.....	80
Khuôn câu.....	80
Bài học: “Thần tự do” lặn kénh.....	81
Bài tập.....	90
 Bài thứ năm.....	100
Khuôn câu.....	100
Bài học: Từ chiếc đồng hồ của bác.....	102
Bài tập.....	114
 Bài thứ sáu.....	128
Khuôn câu.....	128
Bài học: Tuyên ngôn độc lập.....	130
Bài tập.....	147
 Bài thứ bảy.....	163
Khuôn câu.....	163
Bài học: Chiếc áo dài.....	164

Bài tập	180
Bài thứ tám	194
Khuôn câu	194
Bài học: Sưởi reo năm ấy	195
Bài tập	208
Bài thứ chín	225
Khuôn câu	225
Bài học: Anh xẩm	225
Bài tập	242
Bài thứ mười	252
Khuôn câu	252
Bài học: Đi mở đường phồn vinh	252
Bài tập	268

综合越语
二年级上学期第一册
BÀI THỨ NHẤT

Khuôn câu

Chăm học cốt là để thành tài phụng sự Tổ quốc.
Năng tập cốt để khỏe người.
Ai xem cũng khen lấy khen để là đẹp.
Mẹ nó không lúc nào không nhắc đến Mao Chủ tịch.
Tôi chẳng hiểu gì tất.

- (1) Dân trong làng... chạy ra cốt là để xem ô-tô.
- (2) Dân trong làng... chạy ra chủ yếu là để xem ô-tô.
- (3) Tôi nhắc lại cốt để các đồng chí chú ý.
- (4) Tôi nhắc lại chủ yếu (là) để các đồng chí chú ý.
- (5) Em Nga rất ham đọc sách, được quyển sách hay là đọc lấy đọc đề.
- (6) Em Nga rất ham đọc sách, được quyển sách hay là không muốn buông ra.
- (7) Đi nửa ngày đường không được uống tí nước.
Khi thấy nước, anh em liền uống lấy uống đề.

- (8) Đi nửa ngày đường không được uống tí nước. Khi thấy nước, anh em liền uống rất nhanh rất nhiều.
- (9) Hồ chủ tịch không lúc nào không nghĩ tới đồng bào miền Nam.
- (10) Hồ Chủ tịch lúc nào cũng nghĩ tới đồng bào miền Nam.
- (11) Hồ Chủ tịch bao giờ cũng nghĩ tới đồng bào miền Nam.
- (12) Hồ Chủ tịch luôn luôn nghĩ tới đồng bào miền Nam.
- (13) Thật chẳng (không) hiểu gì tất.
Thật chẳng (không) hiểu gì cả.
Thật chẳng (không) hiểu gì hết.
- (14) Thật chẳng (không) hiểu một tí gì.
- (15) Thật cái gì cũng chẳng (không) hiểu.

Bài học

TÌNH THƯƠNG TRẺ EM CỦA MAO CHỦ TỊCH

Một hôm, Mao Chủ tịch đi ô-tô đến Tôn-gia sơn họp hội nghị. Tôn-gia-sơn là một thôn xóm nhỏ chừng bốn năm mươi nóc nhà. Bộ chỉ huy của Bát lộ quân đóng ở đây.

Ô-tô vừa đến. Dân trong thôn, già, trẻ, trai, gái chạy ra cốt là để xem ô-tô. Nhưng có người nhận ra là Mao Chủ tịch, liền truyền đi cho nhau biết. Dân chúng chạy ủa lại hoan nghênh.

Thấy thế, em Ngân Hoa ba chân bốn cẳng chạy về nhà núp

lấy áo mẹ lôi đi vừa nói, vừa thở hắt hắt:

--Mẹ ơi, ra mà xem Mao Chủ tịch. Con được thấy Mao Chủ tịch rồi!

Bà mẹ đang buồn. Ba bốn hôm nay, đứa con trai út của bà sốt li bì, không chịu bú, mà cũng không khóc, cứ nằm im.

Nhưng nghe con nói, bà nghĩ bụng: "Có phúc thì mới trông thấy được Mao Chủ tịch. Đây là một cơ hội tốt, bỏ lỡ đi thì tiếc lắm! "

Thế rồi, bà bồng cả đứa bé đang mê mẩn chạy ra, chen vào đám đông để nhìn cho được thật rõ.

Bà thím đứng bên cạnh mắt:

--Chết chưa! Đòi thuê nhà ai, con sốt li bì như thế mà cũng bồng ra gió! Thật chẳng biết cái gì cả Chẳng trách đẻ được ba mụn con trai chẳng nuôi được đứa nào tất!

Mao Chủ tịch nghe thấy, liền đi lại phía người mẹ đang ẵm con. Bà này đứng mất tro tro nhìn Mao Chủ tịch, không để ý đến lời của bà thím.

Mao Chủ tịch hỏi:

-Em này mắc bệnh gì thế?

Bà thím nhanh nhẩu trả lời:

--Thưa, mấy hôm nay, chẳng biết cháu nó mắc bệnh gì mà sốt li bì, không chịu bú, chạy chữa mãi không khỏi.

Mao Chủ tịch nhìn em bé. Em bé mắt nhắm tít, thở khò khè. Ở các thôn hẻo lánh vùng sơn cước này, trẻ con thường sốt như thế được vài hôm là chết, chẳng có thuốc thang nào cứu chữa được.

Mao Chủ tịch cau mày lại nói:

--Thôi được, để đưa lên Bệnh viện trung ương.

Rồi Người ra lệnh cho anh tài xế đánh xe đưa cả hai mẹ con đi.

Chiếc ô-tê mở máy, biến đi trong làn bụi.

Đến bệnh viện, bác sĩ khám mới biết là em bé đau bệnh màng óc. Điều dưỡng trong ít lâu thì khỏi. Theo lời ông bác sĩ chuyên trách nếu để chậm vài giờ là hết cách cứu chữa.

Hiện nay, em bé đã lên sáu tuổi, người rất khỏe mạnh. Mẹ nó không lúc nào không nhắc đến Mao Chủ tịch, và gặp ai cũng khen lấy khen để câu chuyện hỏi Mao Chủ tịch đến Tôn-gia-son.

	Từ Mới
Tôn-gia-son	孙家山
chùng	大约
Bát lộ quân	八路军
cốt	主要地
nhận ra	认出
liền	立刻, 马上
ùa	涌, 蜂拥
Ngân Hoa	银花 (人名)
ba chân bốn cẳng	三步并作两步 (急速貌)
núu	揪
hồn hén	气喘咻咻

sốt	发烧
li bì	昏迷, 疾病缠身
bú	吃奶
phúc	福气
đứa con	孩子, 儿子
út	最末的
bỏ lỡ	错过
tiếc	可惜, 遗憾
mê mẩn	迷迷糊糊
chen	挤入, 钻入
bà thím	婶母
chết chửa	糟了
bồng	抱
chẳng trách	难怪
mụn	(副名词) 片, 块
mụn (con)	指儿女稀少
ẵm	抱 (抱孩子)
trò tró	直色勾勾地
nhìn	看
để ý	注意, 留意
mắc bệnh	生病, 患病
nhanh nhẩu	敏捷
mãi	不间断地, 持久地
nhắm tít	紧闭 (眼睛)
khò khè	哮喘声
hẻo lánh	偏僻

son cước	山脚, 山麓
thuốc thang	药品
cứu chữa	抢救, 医治
cau	颧骨, 皱眉
bệnh viện	病院, 医院
tài xế	司机 (汽车)
đánh xe	出车, 开车
mở	开, 开动, 发动
mở máy	开动机器, 发动车辆
biến đi	消失
làn	一阵
bệnh màng óc	脑膜炎
điều dưỡng	调养、疗养
ít lâu	不久、一段时间
chuyên trách	专职
chậm	迟, 晚
hết	完, 尽, 光
không lúc nào không...	时时刻刻都...
gặp	碰见
khen láy khen để	夸个没完, 赞不绝口
câu chuyện	事情, 故事

Từ ngữ:

1. ... cho nhau

"nhau" là đại từ, thay thế cho những đối tượng tiếp thụ hữu quan. Thí dụ:

- (1) Mọi người kể cho nhau nghe những mẩu truyện về Mao chủ tịch.
- (2) Các bạn học mới đến trường, chia cho nhau những quà bánh ở nhà mang đến.
- (3) Trước ngày tốt nghiệp, các bạn học tặng cho nhau những kỷ vật quý của mình.

Chú ý phân biệt "... cho nhau" với "với nhau". "lẫn nhau", "có nhau", "bên nhau":

Năm chúng tôi ở cùng một buồng với nhau.

Bạn bè đối đãi với nhau phải chân thành.

Chúng ta học hỏi lẫn nhau, giúp đỡ lẫn nhau cùng nhau tiến bước.

Chúng ta chiến đấu bên nhau, vui buồn có nhau, sống chết có nhau.

Nói chung, điểm khác nhau giữa các tổ hợp "... nhau" là ở những từ "với, lẫn, bên, có...".

2. "được" đặt trước ngũ danh từ "số từ + danh từ chỉ thời gian, chỉ đo lường", ý nói đã duy trì

được thời gian đó, đã đạt số lượng đó. Thí dụ:

Trẻ con thường sốt như thế được vài hôm là chết.

Tôi đến đây đã được 3 năm.

Đi được chừng mười bước anh quay trở lại.

Anh ăn lấy ăn để, nhưng ăn được hai bát thì đã kêu no.

Em Ngân Hoa viết rất nhanh, chỉ nửa tiếng đã chép được năm trang.

3. lới: động từ (đt)

a. Kéo mạnh để đi theo

(1) Anh lôi tôi đi đâu?

(2) Nó không chịu đi, thì lôi nó đi!

(3) Lôi chúng nó ra chứ, để chúng nó đánh nhau thế à?

b. Di chuyển một vật gì không để rời mặt đất.

(4) Sao lại lôi chiếc ghế thế? bê lên chứ!

(5) Trói bốn chân con lợn lại, ông lôi nó ra sân chọi tiết.

c. nghĩa rộng (ngr): bắt đi theo.

(6) Mày mà đánh tao, tao lôi mày lên đồn công an ngay.

(7) Công an lôi mấy thằng lưu manh về đồn.

d. Từ ghép

lôi cuốn

lôi kéo.

4. Chen: dt

a. Cố sức để vào được chỗ đông người.

(1) Người đến xem vòng 1 trong vòng ngoài, tôi phải chen
mãi mới vào được (hay: không sao chen vào được).

(2) Phiên chợ hôm nay đông quá, chen chân không được.

b. Từ ghép:

chen chúc: nhiều người ở trong chỗ chật hẹp.

chen vai: cố cho bằng người ta.

chen vai thích cách.

5. Mặc: dt.

Không để ý tới, không đếm xỉa tới

(1) Mặc nó, ta đi đi!

(2) Thằng bé khóc mãi không nín, người mẹ đành bỏ mặc

nó ở nhà.

Cũng thường nói là: "kệ" hay "mặc kệ".:

(3) Kệ nó (mặc kệ nó), ta đi đi.

Chú ý: đừng làm với từ đồng âm là "vận":

Mặc áo vào!

6. biến: đt.

a. thay đổi tính chất:

(1) Thức ăn đã biến chất đừng nên ăn.

(2) Nhân dân ta đang cố sức biến Tổ quốc thành một nước xã hội chủ nghĩa giàu mạnh.

b. mất đi một cách đột ngột.

(3) Nó vừa ở đây nháy mắt một cái đã biến đi đâu mất rồi.

(4) (Người chơi xiếc giỏi thật) Rõ ràng quả trứng trong nắm tay hắn thế mà biến đi lúc nào không biết.

(5) Máy bay nhanh thật, vừa nghe thấy tiếng đã biến đi đâu mất rồi.

Từ ghép:

chế biến (biến chế)

biến chuyển

biến hóa

biến đổi

Ngữ Pháp

1. Câu ghép

Nếu chúng ta lấy ký hiệu (C - V) thay cho kết cấu các câu đơn, thì đối với câu ghép, sẽ có ký hiệu kết cấu là: (C+V) + (C+V) + (C+V) ... Về ý nghĩa, câu ghép, diễn đạt hai phán đoán (hay hai phán đoán trở lên); các phán đoán đơn đó không

làm thành phần cho nhau, mà có quan hệ song song hay qua lại với nhau, gộp lại diễn đạt một phán đoán phức hợp.

Các phán đoán đơn trong câu ghép đã mất tư cách là một câu, chỉ là một bộ phận của câu ghép, nhưng không phải là thành phần câu, người ta thường gọi là "vế".

Vậy, câu ghép là những câu do hai vế (hay hai vế trở lên) tổ hợp lại trên quan hệ song song hay quan hệ qua lại, diễn đạt một phán đoán phức hợp trong khuôn khổ một câu.

Thú dụ:

- (1) Mao Chủ tịch nghe thấy, liền đi lại phía người mẹ đang ốm con.
- (2) Chiếc ô-tô mở máy, biến đi trong làn bụi.
- (3) Hiện nay, em bé đã lên sáu tuổi, người rất khỏe mạnh.

Câu ghép lô gích và câu ghép ngữ pháp

Những câu ghép không có ký hiệu ngữ pháp mà chỉ hiểu theo ý nghĩa lô gích nội tại, đây là câu ghép lô gích.

Thí dụ:

- (4) Bạn, tôi không đến.
- (5) Anh làm như thế, anh phạm sai lầm.
- (6) Việc này không khó, anh làm được.

Trong 3 câu (4), (5), (6), mỗi câu đều có 2 vế: vế a là: Bạn. Anh làm như thế. Việc này không khó; vế b là: Tôi không đến. Anh phạm sai lầm. Anh làm được.

Ta thấy, giữa các vế a và b, không có ký hiệu ngữ pháp nào cả. Người ta có thể gộp các vế lại để lý giải là dựa trên cơ sở ý

nghĩa lô gích.

Các vế trong câu ghép lô gích là các vế biệt lập (独立).

Ta lại thấy, ý nghĩa của những câu ghép lô-gích thường mập mờ, phải được xác định trong một ngữ cảnh nhất định. Nên vậy, nếu không đặt trong ngữ cảnh nhất định, các câu (4), (5),

(6) kể trên đều có thể hiểu theo hai cách:

(4a) Vì bạn, nên tôi không đến.

(4b) Nếu bạn, thì tôi không đến.

(5a) Vì anh làm như thế, nên anh (đã) phạm sai lầm.

(5b) Nếu anh làm như thế, anh (sẽ) phạm sai lầm.

(6a) Vì việc này không khó, nên anh làm được.

(6b) Nếu việc này không khó, thì anh làm được.

Câu ghép lô-gích có ưu điểm là câu nói ngắn gọn. Nếu ngữ cảnh rõ ràng, người ta vẫn có thể và thường xuyên dùng đến câu ghép lô gích. Câu ghép lô-gích rất thường gặp trong lời nói hàng ngày, có khái niệm về câu ghép lô-gích là cần thiết.

Câu ghép ngữ pháp là những câu ghép mang theo ký hiệu ngữ pháp. Các ký hiệu ngữ pháp ở đây tức là các từ nối (cũng gọi là quan hệ từ, từ kết). Các câu 4a, 4b; 5a, 5b; 6a, 6b đều là câu ghép ngữ pháp.

Bởi có các quan hệ từ, nên ý nghĩa những câu phép ngữ pháp minh xác hơn những câu ghép lô-gích, và bởi vậy, câu ghép ngữ pháp không bị hạn chế trong một ngữ cảnh nhất định.

Nói khác đi, quan hệ ngữ pháp đã làm cho quan hệ lô-gích được minh xác hóa và cố định hóa.

Muốn biến những câu ghép lô-gích thành những câu ghép ngữ

pháp, ta hãy dùng những từ nối (quan hệ từ) thích hợp. (xem thí dụ đã nêu ở trên)

2. Cách dùng của đại từ lặp lại "nó".

Đại từ "nó" thường đặt sau một danh từ để lặp lại danh từ đó và để gây tác dụng nhấn mạnh, có thể tạm gọi là đại từ lặp lại.

Cách dùng đại từ lặp lại rất thường thấy, chó nên làm lẫn với đại từ "nó" là đại từ chỉ định.

Thí dụ:

(1) Chẳng biết cháu nó mắc bệnh gì.

(2) -Cháu mấy tuổi rồi?

-Cháu nó đã lên 5 rồi.

(3) Con chó nó dữ lắm!

Đương nhiên, trước đại từ lặp lại, không thể thêm giới từ "của". Nếu ta thêm "của" trước "nó" trong các thí dụ trên thì sẽ thế nào?

3. Cách xưng hô

Người Việt Nam khi giao tiếp với nhau rất chú trọng đến xưng hô. Trong gia đình thì thường xưng hô theo thứ tự luân lý, như ông, bà, bố, mẹ, chú, thím, cô, dì, chú, bác, anh, chị, em v.v; ngoài xã hội thì thường xưng hô theo tuổi tác, địa vị xã hội, quan hệ gần xa hay thái độ đặc biệt khác, thường hay dùng những từ: ngài, ông, bà, bác, cô, anh, chị, em v.v. Vậy thường có trường hợp xưng hô xã hội và xưng hô xã hội và

xung hô gia đình dùng kẻ bên nhau:

- (1) Bà thím đứng bên cạnh máng.
- (2) Bà mẹ đang buồn.
- (3) Tôi sợ ông anh nhà cậu lắm.
- (4) Cô em chị thông minh mà chăm chỉ.

Ta thấy, xung hô xã hội đứng trước xung hô nghề nghiệp, chúc vụ:

- (5) Ông xích-lô vội đỗ xe đỡ người đàn bà vừa bị ngã dây.
- (6) Anh công an liền nhường hăm cho người phụ nữ ẵm con.
- (7) Thừa ngài tổng thống.
- (8) Thừa bà chủ tịch.

Nếu muốn xung hô với thái độ khinh bỉ, người ta thường dùng những từ: thằng, con, đứa, cái, cái con, cái thằng v.v.:

- (9) Thằng cảnh sát đuổi bắt em đánh giầy.
- (10) Công nhân xe tay thời xã hội cũ thường bị nhục mạ là thằng kéo xe.

Khi muốn xung hô với thái độ trung gian, người ta dùng từ "người" (không viết hoa):

- (11) Là người chiến sĩ cách mạng, bao giờ cũng nên đặt lợi ích nhân dân lên hàng đầu.
- (12) Người tài xế cho xe chạy nhanh hơn.
- (13) Mao chủ tịch... liền đi lại phía người mẹ đang ẵm con.

Cách xung hô trong tiếng Việt khá phức tạp, nên chú ý trong khi học tập cũng như khi sử dụng.

BÀI TẬP

1. Đọc thuộc lòng cả bài.

2. Dùng những từ ngữ dưới đây đặt câu.

lỗi, chen, chẳng trách, đề ý, mặc, biến, hết cách, "...lấy...đề", "cốt là đề...", "không lúc nào không" "chẳng...tất", "không... mà cũng không...".

3. Hoàn chỉnh cách xưng hô trong các câu dưới đây.

(1) Tôi rất muốn đến chơi, nhưng thấy _____ anh cậu hay khách xáo tôi thấy không tiện.

(2) Thấy Nam sắp xa nhà đi học đại học, bố mẹ rất vui mừng _____ bố thì dặn dò điều này điều nọ, _____ mẹ thì chuẩn bị quần áo.

(3) Hai chị em cùng làm trong một phân xưởng nhà máy pin Hải-Phòng, _____ chị là đảng viên gương mẫu, _____ em thì là "cá nhân xuất sắc".

(4) Cũng như các chiến sĩ cách mạng khác, Nguyễn Văn Tôn đến với cách mạng vô sản bắt đầu từ lòng yêu nước. Vốn là một _____ con trai trong một gia đình nghèo khổ ở Hà-nội, _____ bước vào tuổi thanh niên với biết bao câu hỏi tự mình đặt ra...

4. Điền vào chỗ trống những khuôn câu thích hợp

không lúc nào không
